

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017. Về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra **xét xử số 65/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1975; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn Linh Đông, xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1973; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã V, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đề ngày 17 tháng 5 năm 2017 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 7 năm 1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, anh T thường xuyên rượu chè, say xỉn sau đó về đánh đập vợ con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn, hiện vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Vân A, sinh ngày 27/9/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và Phạm Quốc T, sinh ngày 01/10/2010. Khi ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh T.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22 tháng 8 năm 2017, bị đơn là anh Phạm Văn T khai nhận:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình và địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là Phạm Thị Vân A, sinh ngày 27/9/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và Phạm Quốc T, sinh ngày 01/10/2010. Hiện tại cháu đang sinh sống cùng với anh. Vì vậy, khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị B.

Về tài sản chung: Anh anh xin tự giải quyết với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự mặc dù đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn T.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Phạm Văn T.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 01/10/2010 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng; đối với con chung là Phạm Thị Vân A, sinh ngày 27/9/1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị B và anh T xin tự giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị B và bị đơn là anh Phạm Văn T, sinh năm 1973; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã V, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Phạm Văn T đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã nhận được Quyết định đưa

vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn T.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở kết luận:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng năm 1996. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, cũng như tâm sinh lý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã và ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên và địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị B xin ly hôn anh T cũng đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị B xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Vân A, sinh ngày 27/9/1996 và Phạm Quốc T, sinh ngày 01/10/2010. Xét việc con chung là Phạm Thị Vân A đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; còn con chung là Phạm Quốc T hiện đang ở cùng với anh T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị B cũng đồng ý giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nên, việc giao con chung là Phạm Quốc T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh Phạm Văn T. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị B và anh T xin tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 01/10/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị B và anh T xin tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Duyên đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0005391 ngày 29 tháng 5 năm 2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Bảo;
- **UBND xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo**
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh